



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Đắk Lắk*

Số 28

Ngày 04 tháng 12 năm 2025

## MỤC LỤC

	Trang
<b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b> <b>ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>	
17-11-2025	Quyết định số 029/2025/QĐ-UBND quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 3
19-11-2025	Quyết định số 030/2025/QĐ-UBND về việc quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 7
19-11-2025	Quyết định số 031/2025/QĐ-UBND về việc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk. 10
19-11-2025	Quyết định số 032/2025/QĐ-UBND về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk. 13
02-12-2025	Quyết định số 033/2025/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 16

- 
- 02-12-2025 Quyết định số 034/2025/QĐ-UBND quy định tiêu chí, điều kiện việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 27
- 04-12-2025 Quyết định số 035/2025/QĐ-UBND ban hành Quy chế tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết, thời gian thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 30

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 029/2025/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai, Luật nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng số 43/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Căn cứ Nghị quyết số:0353/NQ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh về việc thông qua dự thảo Quyết định của UBND tỉnh do Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu, đề xuất;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 0227/TTr-SNNMT ngày 30/9/2025 và Báo cáo số 0367/BC-SNNMT ngày 03/11/2025;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa

bản tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
2. Người sử dụng đất trồng lúa.
3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

## **Điều 3. Điều kiện sử dụng đất trồng lúa để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa**

1. Công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa (sau đây gọi tắt là công trình) phải đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.
2. Diện tích đất xây dựng công trình theo quy định này không phải thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, không phải cấp phép xây dựng công trình.
3. Khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng công trình phải có ranh giới rõ ràng, bao gồm một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề đã được Nhà nước cấp một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và còn thời hạn sử dụng đất.

## **Điều 4. Quy mô, diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa**

1. Quy mô công trình: Công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa có quy mô là công trình cấp IV, 01 tầng (không xây dựng tầng hầm, tầng bán hầm), dễ dàng tháo dỡ.
2. Tổng diện tích đất xây dựng: Tổng diện tích xây dựng các hạng mục công trình không được vượt quá 0,01% tổng diện tích khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng và không vượt quá 500m<sup>2</sup>.
3. Vị trí xây dựng công trình: Được xây dựng tại 01 (một) hoặc nhiều vị trí khác nhau trong khu vực đất trồng lúa nhưng không vượt quá tổng diện tích xây dựng quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Mục đích sử dụng: Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp là công trình phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trung bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.

## **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

### 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Tổng hợp, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

c) Thực hiện công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được phê duyệt.

2. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn công tác quản lý việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa.

### 3. Ủy ban nhân dân các xã, phường:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân, người sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn quản lý.

c) Thực hiện quản lý, kiểm tra, giám sát, lập hồ sơ theo dõi việc sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn; xử lý các trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa không đúng quy định theo thẩm quyền.

d) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa vi phạm pháp luật thuộc địa bàn quản lý.

### 4. Người sử dụng đất trồng lúa

a) Người sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tuân thủ đúng các quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị có liên quan trong việc theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định liên quan.

b) Tự thiết kế công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa phù hợp với phân diện tích đất xác định xây dựng công trình tại khoản 2 Điều 4 của Quyết định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng thiết kế, an toàn của công trình; thực hiện việc xây dựng công trình theo đúng nội dung đã thông báo với Ủy ban nhân dân các xã, phường.

c) Trường hợp khi có nhu cầu xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa thì người sử dụng đất trồng lúa gửi thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi có đất để theo dõi, giám sát.

5. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

#### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thiên Văn**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 030/2025/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP quy định về lệ phí trước bạ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 175/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BTC quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 253/TTr-STC ngày 17 tháng 10 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà xây dựng mới và tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo điểm b khoản 1 Điều 7, điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP và điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân có tài sản là nhà thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP (trừ các trường hợp thuộc đối tượng miễn lệ phí trước bạ quy định tại Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP).

2. Cơ quan thuế.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### **Điều 3. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng**

1. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng thuộc địa giới hành chính của tỉnh Đắk Lắk (cũ): được xác định theo quy định tại Bảng đơn giá xây dựng mới nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc được quy định tại Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành đơn giá xây dựng mới nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng thuộc địa giới hành chính của tỉnh Phú Yên (trước đây): được xác định theo quy định tại Bảng đơn giá nhà và công trình xây dựng gắn liền trên đất được quy định tại Quyết định số

66/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định bộ đơn giá nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Trường hợp Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

#### **Điều 4. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ**

1. kê khai lệ phí trước bạ lần đầu

a) Đối với nhà có thời gian đã sử dụng dưới 5 năm: 100%.

b) Đối với nhà chịu lệ phí trước bạ có thời gian đã sử dụng từ 5 năm trở lên thì áp dụng tỷ lệ (%) chất lượng còn lại tương ứng với kê khai lệ phí trước bạ từ lần thứ 2 trở đi quy định tại khoản 2 Điều này.

2. kê khai lệ phí trước bạ từ lần thứ 2 trở đi thì áp dụng tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà có thời gian đã sử dụng tương ứng theo hướng dẫn như sau:

Thời gian đã sử dụng	Nhà biệt thự (%)	Nhà cấp I (%)	Nhà cấp II (%)	Nhà cấp III (%)	Nhà cấp IV (%)
- Dưới 5 năm	97	98	97	95	85
- Từ 5 đến 10 năm	93	95	93	85	65
- Trên 10 năm đến 20 năm	80	85	80	70	35
- Trên 20 năm đến 50 năm	60	80	60	35	30
- Trên 50 năm đến 100 năm	50	55	50	30	20
- Trên 100 năm	30	35	30	20	0

3. Thời gian đã sử dụng của nhà được tính từ thời điểm (năm) xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến năm kê khai, nộp lệ phí trước bạ đối với nhà đó. Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được năm xây dựng nhà thì tính thời gian theo năm mua nhà hoặc nhận nhà, thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành ở tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng có ý kiến hướng dẫn chuyên môn về xây dựng khi được Cơ quan thuế của địa phương lấy ý kiến về xác định cấp nhà, hạng nhà để tính lệ phí trước bạ đối với nhà.

3. Cơ quan thuế của địa phương hướng dẫn kê khai, xác định và thu lệ phí trước bạ theo quy định của nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, các cơ

quan, tổ chức, cá nhân có liên quan gửi nội dung về Sở Tài chính tổng hợp, nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định tỷ lệ % chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Những trường hợp đã nộp hồ sơ lệ phí trước bạ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa ban hành thông báo thì áp dụng theo quy định tại Quyết định này.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng Thuế tỉnh Đắk Lắk, Thủ trưởng các sở, ban, ngành ở tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trương Công Thái**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 031/2025/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 227/TTr-STC ngày 08 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk quy định tại khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 43, khoản 4 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

**Điều 3. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền tỉnh Đắk Lắk (không bao gồm tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP)**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương thuộc cấp tỉnh, gồm: nhà, đất, xe ô tô, tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương thuộc cấp xã, phường, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**

1. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk ra quyết định tịch thu (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP)

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các hình thức xử lý: giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý; điều chuyển tài sản giữa các sở, ban, ngành tỉnh, giữa cấp tỉnh và các xã, phường, giữa các xã, phường với các xã, phường.

b) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức giao, điều chuyển giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

d) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều này).

đ) Các Sở, ban, ngành; các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành; các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc chi cục và trực thuộc đơn vị tương đương thuộc cơ quan cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường: Quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản thuộc thẩm quyền cấp mình ra quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này).

2. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP)

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan có thẩm quyền chuyển giao cho Sở Tài chính, UBND xã, phường tiếp nhận, bao gồm: nhà, đất, xe ô tô, tàu thuyền, tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan có thẩm quyền chuyển giao cho Sở Tài chính, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan có thẩm quyền chuyển giao cho UBND xã, phường tiếp nhận, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền tỉnh Đắk Lắk

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân tại Điều 3 Quyết định này thì có thẩm quyền quyết định phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền tỉnh Đắk Lắk.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trương Công Thái**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 032/2025/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 252/TTr-STC ngày 17 tháng 11 năm 2025.*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

2. Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và các văn bản pháp luật có liên quan.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư), ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, quyết định, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

**Điều 3. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng**

1. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)

a) Các sở, ban, ngành ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm các đơn vị sự nghiệp trực thuộc).

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị tại cơ quan mình.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế

Sở Y tế ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo

a) Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo thuộc phạm vi quản lý.

b) Các cơ sở đào tạo thuộc cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị tại cơ quan mình.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị và địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên

b) Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trương Công Thái**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 033/2025/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 12 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 147/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 0143/TTr-SYT ngày 06/11/2025;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy chế phối hợp giữa Sở Y tế và UBND các xã, phường trong quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Sở Y tế và UBND các xã, phường trong quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định này; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2025.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Nội vụ; Chủ tịch

UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thiên Văn**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

**Phối hợp giữa Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các xã, phường  
trong quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 033/2025/QĐ-UBND  
ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, hình thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các xã, phường (Sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) trong công tác quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Sở Y tế, UBND cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

#### Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phải đảm bảo tính thống nhất, khách quan, đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước, phân cấp quản lý nhà nước; đảm bảo giải quyết công việc có tính hệ thống, hiệu quả và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong việc giải quyết các thủ tục liên quan đến hoạt động y tế.

2. Công tác phối hợp phải đảm bảo tính chủ động, tích cực, đề cao trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động y tế.

3. Những nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động y tế không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

### Chương II

#### HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG PHỐI HỢP

#### Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản, trao đổi trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến các hoạt động về y tế theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết; hội nghị triển khai các chương trình, dự án, đề án, nghị quyết, kế hoạch... về lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành và tham gia đoàn kiểm tra liên ngành về hoạt động y tế trên địa bàn theo đúng quy định pháp luật.

### **Điều 5. Nội dung phối hợp**

1. Xây dựng chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án, báo cáo về lĩnh vực y tế.

2. Quản lý y tế dự phòng, vệ sinh nước sạch sinh hoạt, vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường, y tế học đường.

3. Quản lý khám, chữa bệnh cấp ban đầu và phục hồi chức năng.

4. Quản lý về dược, mỹ phẩm, y dược cổ truyền.

5. Quản lý về an toàn thực phẩm.

6. Quản lý về trang thiết bị và công trình y tế.

7. Quản lý về dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng.

8. Quản lý lĩnh vực bảo trợ xã hội, chăm sóc giáo dục và bảo vệ trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội.

9. Quản lý về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế.

10. Quản lý về Bảo hiểm Y tế.

11. Quản lý về truyền thông, phổ biến pháp luật, cung cấp thông tin y tế.

12. Triển khai các Chương trình mục tiêu Quốc gia (Các chương trình, dự án, tiểu dự án thuộc lĩnh vực y tế).

## **Chương III**

### **TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP**

**Điều 6. Phối hợp xây dựng chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án, báo cáo về lĩnh vực y tế**

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã tham mưu UBND tỉnh xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án về y tế trên địa bàn tỉnh; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

Sở Y tế ban hành văn bản hướng dẫn, đề nghị UBND cấp xã phối hợp cung cấp thông tin, báo cáo định kỳ, thường xuyên hoặc đột xuất về lĩnh vực y tế để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. UBND cấp xã có trách nhiệm xây dựng, tổng hợp, ban hành: Chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án về y tế thực hiện trên phạm vi địa bàn xã; chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, đơn vị chuyên môn tuyến tỉnh triển khai tổ chức thực hiện chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án về y tế trên địa bàn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế trong việc thực hiện báo cáo định kỳ, thường xuyên, đột xuất về lĩnh vực y tế để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

### **Điều 7. Phối hợp quản lý y tế dự phòng, vệ sinh nước sạch sinh hoạt, vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường, y tế học đường**

1. Sở Y tế chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã về phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm: Xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện kế hoạch. Huy động hoặc tham mưu UBND tỉnh huy động mọi nguồn lực để kịp thời khoanh vùng, cô lập, dập tắt dịch khi có dịch bệnh truyền nhiễm nhóm A; bệnh truyền nhiễm nhóm B có từ 2 trường hợp tử vong trở lên nghi do cùng một bệnh hoặc cùng một tác nhân gây bệnh trên cùng địa bàn xã trong vòng một tháng xảy ra trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ và huy động nguồn lực cho hoạt động phòng, chống bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm nhóm C; bệnh truyền nhiễm nhóm B nếu trong trường hợp vượt quá khả năng đáp ứng của đơn vị, địa phương.

Các hoạt động y tế dự phòng còn lại: Tham mưu với UBND tỉnh xây dựng kế hoạch về phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần; kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia; kế hoạch phòng, chống tác hại của thuốc lá; kiểm tra và thông báo định kỳ chất lượng nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, kiểm tra vệ sinh lao động; kiểm tra công tác vệ sinh môi trường, y tế học đường trên địa bàn tỉnh.

2. UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với Sở Y tế về phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm: Xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn và triển khai thực hiện kế hoạch. Huy động mọi nguồn lực để kịp thời khoanh vùng, cô lập, dập dịch khi có dịch bệnh truyền nhiễm nhóm C; bệnh truyền nhiễm nhóm B xảy ra trên địa bàn. Trong trường hợp vượt quá khả năng đáp ứng của đơn vị, địa phương với bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm, các đơn vị, địa phương báo cáo và đề nghị tuyên trên và cấp quản lý trực tiếp để được hỗ trợ và huy động nguồn lực cho hoạt động phòng, chống bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm.

Các hoạt động y tế dự phòng còn lại: Xây dựng kế hoạch về phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần; kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia; kế hoạch phòng, chống tác hại của thuốc lá; giám sát chất lượng nước sạch sinh hoạt trên địa bàn; chỉ đạo công tác vệ sinh lao động, công tác vệ sinh môi trường, y tế học đường trên địa bàn xã quản lý.

### **Điều 8. Phối hợp quản lý về khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng**

1. Sở Y tế chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã hướng dẫn, kiểm tra, và xử lý vi phạm đối với các hình thức tổ chức của cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý. Chỉ đạo về chuyên môn y tế và các nội dung có liên quan đến sức khỏe người dân trên địa bàn.

2. UBND cấp xã chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Y tế quản lý về hoạt động kinh doanh đối với các hình thức tổ chức của cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý; khi phát hiện có vi phạm, UBND cấp xã có trách nhiệm xử lý hoặc thông báo cho Sở Y tế, cấp có thẩm quyền để phối hợp xử lý theo đúng quy định pháp luật.

UBND cấp xã chỉ đạo, đôn đốc thực hiện công tác chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Y tế; kịp thời thông tin, báo cáo Sở Y tế hỗ trợ, phối hợp xử lý các vụ việc xảy ra trên địa bàn liên quan đến tính mạng, sức khỏe của Nhân dân.

### **Điều 9. Phối hợp trong quản lý về dược, mỹ phẩm, y dược cổ truyền**

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã

a) Quản lý các cơ sở nhà nước, cơ sở tư nhân trong hoạt động hành nghề dược và mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện lộ trình áp dụng nguyên tắc tiêu chuẩn thực hành nhà thuốc tốt (GPP), thực hành tốt phân phối thuốc (GDP); thông báo cho UBND cấp xã biết các cơ sở đạt điều kiện GPP, GDP trên địa bàn tỉnh.

b) Kiểm nghiệm các loại thuốc, mỹ phẩm; xem xét tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm xác định nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật; thông báo đến UBND cấp xã về chất lượng để thu hồi, cấm lưu hành.

c) Quản lý các cơ sở nhà nước, cơ sở tư nhân trong phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng bằng y dược cổ truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện và kiểm tra đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh, chế biến và chất lượng của dược liệu, thuốc cổ truyền tại địa phương theo thẩm quyền được phân cấp; phối hợp với các đơn vị có liên quan trong hướng dẫn khai thác, nuôi trồng, chế biến và phát triển dược liệu theo quy định.

2. UBND cấp xã chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Y tế thực hiện nắm bắt phản ánh tình hình việc thực hiện các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh, chế biến và chất lượng của dược liệu, thuốc cổ truyền; tạo điều kiện để các tập thể, cá nhân liên quan trong thực hiện các hoạt động khai thác, nuôi trồng, chế biến và phát triển dược liệu tại địa phương.

### **Điều 10. Phối hợp trong quản lý về an toàn thực phẩm**

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã

a) Thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật; kiểm tra, hậu kiểm, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh theo quy định về phân công, phân cấp của pháp luật; chủ trì tham mưu và thực hiện nhiệm vụ là thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì tổ chức thực hiện công tác tiếp nhận, quản lý hồ sơ, cấp phép về lĩnh vực an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý và thực hiện theo phân công, phân cấp; thông báo cho UBND cấp xã biết các cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn để nắm bắt, quản lý.

2. UBND cấp xã phối hợp với Sở Y tế trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo phân công, phân cấp. Phối hợp tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, mô hình liên quan đến lĩnh vực an toàn thực phẩm tại địa phương; Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn, truyền thông cho cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm; kiểm tra, hậu kiểm, giám sát chất lượng sản phẩm thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý và theo quy định của pháp luật.

### **Điều 11. Phối hợp trong quản lý về trang thiết bị và công trình y tế**

1. Sở Y tế chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý thiết bị y tế và công trình y tế trên địa bàn tỉnh; chủ trì tiếp nhận hồ sơ, đăng tải công khai thông tin và hồ sơ công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế, hồ sơ công bố cơ sở đủ điều kiện mua, bán thiết bị y tế; số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B và hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng; danh sách các thiết bị y tế đã bị thu hồi số lưu hành trên địa bàn tỉnh trên trang thông tin điện tử.

2. UBND cấp xã phối hợp cung cấp thông tin việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý thiết bị y tế và công trình y tế trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

### **Điều 12. Phối hợp về công tác dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng**

1. Sở Y tế chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân số bao gồm quy mô dân số, cơ cấu dân số, chất lượng dân số, kế hoạch hoá gia đình và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về dân số trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, mô hình, hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu về dân số; quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dịch vụ trong lĩnh vực dân số, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh.

c) Kiểm tra, chỉ đạo việc thực hiện chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, mô hình liên quan đến lĩnh vực dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng.

d) Kiểm tra, chỉ đạo việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dịch vụ trong lĩnh vực dân số, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh.

đ) Tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về công tác dân số và phát triển.

e) Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng cấp xã trên địa bàn tỉnh.

## 2. UBND cấp xã chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Y tế

a) Cụ thể hóa các chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, mô hình, các quy định của tỉnh và của Bộ Y tế về công tác dân số và phát triển; chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em; người cao tuổi trên địa bàn xã; lồng ghép, đưa nội dung về dân số và phát triển; chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em; người cao tuổi vào trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế: Xây dựng kế hoạch thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, mô hình liên quan đến lĩnh vực dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng trên địa bàn quản lý; triển khai thực hiện kế hoạch; sử dụng các nguồn lực được phân bổ, sẵn có để thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng, các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra.

c) Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng cấp xã trên địa bàn; chủ trì tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác dân số và phát triển xã, phường, thôn, buôn trên địa bàn xã.

d) Thực hiện hoặc phối hợp với Sở Y tế theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ, đột xuất việc triển khai thực hiện, thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

## **Điều 13. Phối hợp về công tác bảo trợ xã hội, chăm sóc giáo dục và bảo vệ trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội**

### 1. Sở Y tế chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã

a) Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án về trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, công tác xã hội, công tác người cao tuổi, công tác người khuyết tật, công tác trẻ em, phòng, chống tệ nạn mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán.

b) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch về công tác xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật, các đối tượng bảo trợ xã hội; công tác bảo vệ trẻ em; sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; Tháng hành động vì trẻ em; phòng, chống tệ nạn mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán.

c) Hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, biện pháp trợ giúp xã hội khẩn cấp trong việc khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc các lý do bất khả kháng khác.

d) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về điều kiện, thủ tục thành lập và đăng ký, cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở chăm sóc người cao tuổi, cơ sở chăm sóc người khuyết tật theo quy định của pháp luật; xây dựng mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, tổ chức cung cấp các dịch vụ công tác xã hội; hướng dẫn tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội vào các cơ sở trợ giúp xã hội và từ cơ sở trợ giúp xã hội về gia đình.

đ) Thực hiện công tác điều phối thực hiện quyền trẻ em trên địa bàn tỉnh; theo dõi, đánh giá việc thực hiện các quyền trẻ em theo quy định của pháp luật; đề xuất việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em khi địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

e) Tổ chức thực hiện việc sàng lọc dấu hiệu bị mua bán đối với người lao động; việc tiếp nhận và thực hiện biện pháp hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán hòa nhập cộng đồng.

g) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, trợ giúp người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em và đội ngũ nhân viên, công tác viên công tác xã hội, công tác viên trẻ em ở thôn, buôn, tổ dân phố, đội công tác xã hội tình nguyện cấp xã.

## 2. UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với Sở Y tế

a) Triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án về: trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, hỗ trợ chi phí mai táng và các trợ giúp xã hội khác; công tác xã hội, công tác người cao tuổi, công tác người khuyết tật, công tác trẻ em; hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em; hoạt động của công tác viên trẻ em ở thôn, buôn, tổ dân phố; đội công tác xã hội tình nguyện cấp xã theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về chính sách, pháp luật về bảo trợ xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội và các chương trình, đề án có liên quan.

c) Phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, trợ giúp người khuyết tật, người cao tuổi và đội ngũ nhân viên, công tác viên công tác xã hội, công tác viên trẻ em ở thôn, buôn, tổ dân phố, đội công tác xã hội tình nguyện cấp xã.

d) Phối hợp với các cơ sở trợ giúp xã hội trong công tác liên quan đến nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội; phối hợp với Trung tâm Bảo trợ xã hội và Trẻ em tỉnh trong thực hiện hỗ trợ cho trẻ em từ nguồn Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh.

## **Điều 14. Phối hợp về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế**

1. Sở Y tế chủ trì ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý và phối hợp với UBND cấp xã rà soát, xác định

nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức y tế thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã; phối hợp với UBND cấp xã trong việc dự báo, đề xuất số lượng đào tạo cử tuyển bác sĩ hàng năm trên địa bàn; phối hợp quản lý cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và quản lý các chương trình, tài liệu bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức y tế theo thẩm quyền.

2. UBND cấp xã định kỳ vào tháng 9 hàng năm, rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức y tế thuộc phạm vi quản lý của năm kế tiếp phối hợp với Sở Y tế để triển khai, tổ chức thực hiện. Chỉ đạo rà soát, đề xuất nhu cầu, số lượng chỉ tiêu đi học cử tuyển bác sĩ hàng năm trên địa bàn xã trình cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định, quyết định (đồng thời gửi Sở Y tế).

### **Điều 15. Phối hợp quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế**

1. Sở Y tế có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội ở địa phương trong kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh.

2. UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn.

b) Bảo đảm kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

c) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế.

d) Kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm y tế.

### **Điều 16. Phối hợp về truyền thông, phổ biến pháp luật, cung cấp thông tin y tế**

1. Sở Y tế chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã triển khai tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cung cấp thông tin y tế cho các cơ quan quản lý nhà nước về y tế, những cơ sở khám, chữa bệnh đóng trên địa bàn tỉnh và Nhân dân trên địa bàn bằng những hình thức phù hợp.

2. UBND cấp xã chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Y tế triển khai tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cung cấp thông tin y tế cho các cơ quan quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn xã những cơ sở khám, chữa bệnh đóng trên địa bàn và Nhân dân trên địa bàn xã bằng những hình thức phù hợp.

### **Điều 17. Phối hợp triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia (các chương trình, dự án, tiểu dự án thuộc lĩnh vực y tế)**

1. Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch đối với các chương trình, dự án, tiểu dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia được

giao cho ngành y tế trên địa bàn tỉnh, triển khai thực hiện, phân bổ hoặc tham mưu phân bổ chỉ tiêu chuyên môn, nguồn lực cho UBND cấp xã, theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ, đột xuất việc triển khai thực hiện.

2. UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với Sở Y tế: Xây dựng kế hoạch thực hiện trên địa bàn quản lý; triển khai thực hiện kế hoạch; sử dụng các nguồn lực được phân bổ, sẵn có để thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng, các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra. Thực hiện hoặc phối hợp với Sở Y tế theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ, đột xuất việc triển khai thực hiện, thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 18. Phối hợp thực hiện các nội dung khác**

Sở Y tế và UBND cấp xã phối hợp thực hiện các nội dung khác khi được UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao.

### **Chương IV**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 19. Triển khai tổ chức thực hiện Quy chế**

Sở Y tế, UBND cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quy chế; chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc phối hợp với các cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội liên quan tổ chức thực hiện Quy chế này nhằm nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước, các nhiệm vụ về y tế theo phân cấp quản lý.

#### **Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về UBND cấp xã và Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 034/2025/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 12 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chí, điều kiện việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật lâm nghiệp số 16/2017/QH14;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Theo đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 0378/TTr-SNNMT ngày 07 tháng 11 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định tiêu chí, điều kiện việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định chi tiết tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được quy định tại

khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
2. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, lâm nghiệp, môi trường, trồng trọt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
3. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai.
4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác**

1. Chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa sang mục đích khác phải có phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật về trồng trọt.
2. Chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác mà trên đất có rừng phải có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.
3. Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

## **Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với diện tích, loại đất cần chuyển mục đích sử dụng.

## **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2025.
2. Bãi bỏ Điều 4 Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (cũ) ban hành quy định thời gian, nội dung thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
3. Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thì các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các

đối tượng áp dụng Quyết định này kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các sở, ngành; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thiên Văn**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 035/2025/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết, thời gian thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp; phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo số 0423/BC-SNNMT ngày 13 tháng 11 năm 2025 và Tờ trình số 0321/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 10 năm 2025.*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy chế tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết, thời gian thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết, thời gian thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2025.

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk) quy định việc phối hợp giải quyết hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nội vụ, Tư pháp; Trưởng Thuế tỉnh Đắk Lắk; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XIV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

-  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thiên Văn**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

**Tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết, thời gian thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 035/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về việc tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết, thời gian thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Mục 7 Phần I, Mục 12 Phần II của “Phần A. TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” của Phần V Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

2. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn thực hiện tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Kinh tế, Hạ Tầng và Đô thị các phường, Phòng Kinh tế các xã (sau đây gọi chung là Cơ quan có chức năng quản lý đất đai).

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi chung là Tổ chức đăng ký đất đai).

4. Thuế tỉnh, Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh (sau đây gọi chung là Cơ quan Thuế).

5. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (sau đây gọi chung là Bộ phận Một cửa).

6. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi chung là người sử dụng đất), bao gồm:

a) Người sử dụng đất là tổ chức trong nước; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (sau đây gọi chung là tổ chức) và người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài.

b) Người sử dụng đất là cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam (sau đây gọi chung là cá nhân), cộng đồng dân cư.

7. Các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ để thực hiện công việc hỗ trợ theo hợp đồng dịch vụ, nhân viên theo hợp đồng lao động được ký kết theo quy định của pháp luật.

8. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**

1. Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của công chức, viên chức và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

2. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được thống nhất trong phạm vi toàn tỉnh, theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định; tổ chức, cá nhân đến liên hệ giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất chỉ làm việc với công chức, viên chức, nhân viên được giao nhiệm vụ làm đầu mối tiếp nhận và trả kết quả.

3. Việc tiếp nhận, luân chuyển, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất phải kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, bảo đảm không vượt quá thời gian giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định.

4. Không làm phát sinh chi phí ngoài quy định khi thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân.

5. Tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận, luân chuyển, giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai.

### **Điều 4. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất**

1. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và bảo đảm không quá thời gian thực hiện của từng thủ tục theo quy định tại Quy chế này.

2. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu

tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) chết trước khi trao Giấy chứng nhận.

Cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất chịu trách nhiệm giải quyết không quá thời gian quy định do cơ quan, đơn vị mình thực hiện, không chịu trách nhiệm về thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị khác.

3. Người sử dụng đất được thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và thời gian giải quyết đồng thời nhiều thủ tục được thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

4. Chủ đầu tư dự án kinh doanh bất động sản được nộp cùng lúc nhiều hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính không được lớn hơn thời gian giải quyết đối với từng thủ tục cho từng hồ sơ đó cộng lại.

### **Điều 5. Thời gian xác định, ban hành thông báo thu nghĩa vụ tài chính về đất đai và thông báo xác nhận hoặc xác nhận về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính**

1. Thời hạn xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai.

a) Trường hợp tính tiền sử dụng đất:

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ của người sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Quy chế này hoặc không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đối với hồ sơ của người sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 Quy chế này, Cơ quan Thuế có trách nhiệm tính tiền sử dụng đất và các khoản phải nộp khác, ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, gửi đến người sử dụng đất.

b) Trường hợp tính tiền thuê đất:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Cơ quan Thuế thực hiện xác định đơn giá, tính số tiền thuê đất phải nộp, ban hành thông báo tiền thuê đất, gửi đến người thuê đất.

c) Trường hợp xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính trong trường hợp đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thuế xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai, gửi đến người sử dụng đất.

Thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai được gửi đồng thời cho Cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc Tổ chức đăng ký đất đai để biết, theo dõi.

2. Trường hợp chưa đủ cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai và các khoản phải nộp khác thì trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với trường hợp tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc 03 ngày làm việc đối với trường hợp xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính trong trường hợp đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan Thuế có trách

nhiệm trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản hoặc thông báo bằng hình thức điện tử liên thông (trường hợp hồ sơ tiếp nhận bằng hình thức điện tử liên thông) nêu rõ lý do, nội dung gửi đến Cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc Tổ chức đăng ký đất đai để bổ sung hồ sơ; sau khi tiếp nhận đủ hồ sơ đầy đủ thì Cơ quan Thuế phải ra thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai chậm nhất 05 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này và 03 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung.

3. Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hệ thống quản lý thuế của Cơ quan Thuế tiếp nhận chứng từ của Cơ quan thu ngân sách nhà nước trên hệ thống thông tin điện tử, Cơ quan Thuế thực hiện kiểm tra, đối chiếu và thực hiện xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính và gửi đến Cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc Tổ chức đăng ký đất đai.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH VỀ TIẾP NHẬN, LUÂN CHUYỂN HỒ SƠ, GIẢI QUYẾT, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, THỜI GIAN CÁC BƯỚC THỰC HIỆN THỦ TỤC CỦA TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN**

#### **Mục 1**

### **QUY ĐỊNH VỀ TIẾP NHẬN, LUÂN CHUYỂN HỒ SƠ, GIẢI QUYẾT, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT**

#### **Điều 6. Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết**

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

- a) Bộ phận Một cửa tỉnh, cấp xã;
- b) Văn phòng đăng ký đất đai;
- c) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

2. Hình thức nộp hồ sơ.

Người yêu cầu đăng ký được lựa chọn nộp hồ sơ theo các hình thức sau đây:

- a) Nộp trực tiếp tại các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

d) Khi nộp hồ sơ tại cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này theo hình thức quy định tại các điểm a và b khoản này thì người yêu cầu đăng ký được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để công chức, viên chức, nhân viên tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực; trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức quy định tại điểm c khoản này thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công

chúng, chứng thực theo quy định của pháp luật; trường hợp đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà thực hiện xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người yêu cầu đăng ký nộp bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

đ) Đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu của tổ chức và người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài thì được lựa chọn nơi nộp hồ sơ quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này; đối với cá nhân và cộng đồng dân cư thì nơi nộp hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

e) Đối với trường hợp đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thì người yêu cầu đăng ký lựa chọn nơi nộp hồ sơ như sau:

Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là cá nhân, cộng đồng dân cư thì được lựa chọn nơi nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại khoản 6 Điều 141 của Luật Đất đai thì nộp hồ sơ tại cơ quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức, cá nhân nước ngoài thì được lựa chọn nơi nộp hồ sơ quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này; trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài thì được lựa chọn nơi nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

Trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì nơi nộp hồ sơ theo bên nhận quyền và thực hiện theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này.

g) Việc nộp hồ sơ quy định tại điểm đ và điểm e khoản 2 Điều này thì người yêu cầu đăng ký được lựa chọn một trong các nơi nộp hồ sơ trên địa bàn tỉnh.

### 3. Tiếp nhận hồ sơ.

a) Đối với hồ sơ được nhận theo hình thức được quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này, công chức, viên chức, nhân viên tiếp nhận hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả phải kiểm tra, xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu quy định; sao chụp từng loại giấy tờ chuyển thành bản điện tử và dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản sao chụp điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy, cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và chuyển đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, công chức, viên chức, nhân viên tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn người yêu cầu đăng ký bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cụ thể, đầy đủ, chính xác một lần và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức, viên chức, nhân viên tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định;

b) Đối với hồ sơ được nộp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, trong vòng 02 giờ sau khi Công Dịch vụ công Quốc gia có thông báo, công chức, viên chức, nhân viên tiếp nhận hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này, tiếp nhận và chuyển cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

Công chức, viên chức, nhân viên tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho người yêu cầu đăng ký không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. Việc thông báo được gửi đến tài khoản của người yêu cầu đăng ký trên Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua chức năng gửi thư điện tử hoặc gửi tin nhắn điện thoại tự động của Công Dịch vụ công quốc gia;

c) Không yêu cầu nộp thêm giấy tờ, kê khai thêm thông tin ngoài các giấy tờ phải nộp và thông tin phải kê khai theo quy định;

d) Thời gian giải quyết thủ tục hành chính được tính từ thời điểm hồ sơ đã được tiếp nhận đầy đủ và được thể hiện trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.

#### 4. Trả kết quả giải quyết.

a) Bảo đảm thời gian giải quyết theo quy định; việc trả kết quả giải quyết trong giờ hành chính;

b) Trường hợp chậm trả kết quả giải quyết hồ sơ theo quy định về thời gian giải quyết thủ tục thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục gửi thông báo bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử hoặc qua tin nhắn SMS cho người yêu cầu đăng ký, trong đó nêu rõ lý do;

c) Trường hợp người yêu cầu đăng ký nộp bản sao hoặc bản số hóa các loại giấy tờ thì khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính người yêu cầu đăng ký phải nộp bản chính các giấy tờ thuộc thành phần hồ sơ theo quy định, trừ các giấy tờ là giấy phép xây dựng, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, quyết định đầu tư, giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định phê duyệt hoặc quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết, bản đồ điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết.

### **Điều 7. Luân chuyển hồ sơ, thời gian các bước thực hiện thủ tục của từng cơ quan, đơn vị có liên quan**

1. Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này, công chức, viên chức, nhân viên tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này chuyển hồ sơ đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết để thực hiện các bước tiếp theo như sau:

a) Chuyển dữ liệu hồ sơ điện tử được tiếp nhận trực tuyến của tổ chức, cá nhân hoặc hồ sơ giấy đã được số hóa đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính;

b) Chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trực tiếp trong ngày làm việc hoặc chuyển

vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hằng ngày.

2. Cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục sau khi thực hiện xong việc giải quyết thủ tục theo quy định thì có trách nhiệm luân chuyển hồ sơ đến cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục của các bước tiếp theo để tiếp tục giải quyết thủ tục đến bước trả kết quả cho người sử dụng đất; việc luân chuyển hồ sơ phải bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

a) Trường hợp hồ sơ theo quy định phải thực hiện lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình giải quyết.

Việc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan được thực hiện theo phương thức gửi văn bản điện tử thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính hoặc văn bản giấy theo quy định pháp luật, trong đó nêu rõ nội dung, thời hạn lấy ý kiến và phương thức trả lời;

Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời các nội dung được xin ý kiến bằng văn bản theo thời hạn quy định và chịu trách nhiệm về nội dung trả lời. Trường hợp quá thời hạn mà chưa có văn bản trả lời, cơ quan, đơn vị chủ trì giải quyết hồ sơ thông báo cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đã chuyển hồ sơ về việc chậm trễ để phối hợp xử lý theo quy định;

Toàn bộ quá trình lấy ý kiến (bao gồm thông tin về cơ quan, đơn vị lấy ý kiến, cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến, nội dung, thời hạn lấy ý kiến) và kết quả thực hiện (bao gồm kết quả trả lời của cơ quan, đơn vị liên quan) phải được số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục phải có văn bản thông báo, trong đó nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, chuyển đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để gửi cho người yêu cầu đăng ký để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định hoặc chuyển đến cơ quan, đơn vị chủ trì giải quyết thủ tục hành chính để chuyển đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 15 ngày kể từ khi thông báo, nếu người yêu cầu đăng ký không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, công chức, viên chức, nhân viên cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính;

c) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ để gửi cho người yêu cầu đăng ký thông qua cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả. Thông báo được nhập vào mục trả kết quả của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn thông báo phải trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định;

d) Đối với hồ sơ dự kiến quá hạn giải quyết, trong thời hạn chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả và gửi văn bản xin lỗi người yêu cầu đăng ký, trong đó ghi rõ lý do quá hạn, thời gian đề nghị gia hạn trả kết quả theo mẫu Văn bản xin lỗi và đề nghị gia hạn thời gian giải quyết. Việc hện lại ngày trả kết quả được thực hiện không quá một lần.

Căn cứ Văn bản xin lỗi và đề nghị gia hạn thời gian giải quyết, cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả điều chỉnh lại thời gian trả kết quả xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời gửi thông báo người yêu cầu đăng ký qua thư điện tử, tin nhắn, điện thoại.

3. Thời gian các bước thực hiện thủ tục của từng cơ quan, đơn vị có liên quan, việc giải quyết liên thông giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan theo cơ chế một cửa phải bảo đảm đúng thời gian thực hiện theo quy định tại Quy chế này và các quy định có liên quan.

### **Điều 8. Việc trao đổi thông tin, quy trình tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính trên hệ thống thông tin điện tử**

#### 1. Việc trao đổi thông tin.

a) Việc trao đổi, cung cấp thông tin phải bảo đảm kịp thời, chính xác, đầy đủ và bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử theo quy định;

b) Thông tin trao đổi giữa hai cơ quan, đơn vị là thông tin chính thức để sử dụng trong công tác nghiệp vụ của từng bên. Bên cung cấp thông tin chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác và kịp thời của thông tin đã cung cấp. Bên sử dụng thông tin phải sử dụng thông tin đúng mục đích và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Dựa trên nguyên tắc sử dụng chữ ký số trong quá trình trao đổi thông tin giữa các bên. Dữ liệu trao đổi thông tin gắn chữ ký số có tính pháp lý tương đương như con dấu và chữ ký của các bên trong quá trình thực hiện. Khi thay đổi chữ ký số hai bên sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản.

#### 2. Quy trình tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ hồ sơ của người sử dụng đất, thực hiện nhập đầy đủ các thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính vào ứng dụng quản lý tại cơ quan, đơn vị. Ký số và truyền Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (*sau đây gọi tắt là Phiếu chuyển thông tin*), dữ liệu điện tử (bao gồm các tập tin điện tử đính kèm) sang Cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất;

b) Cơ quan Thuế nhận Phiếu chuyển thông tin, hồ sơ điện tử; kiểm tra thông tin, thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Ký số trên Thông báo nghĩa vụ tài chính, gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính sang Cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc Tổ chức đăng ký đất đai, người nộp thuế; nhận dữ liệu chứng từ từ Cơ quan thu ngân sách nhà nước và truyền dữ liệu chứng từ nộp tiền

hoặc xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất truyền dữ liệu sang Cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc Tổ chức đăng ký đất đai;

c) Khi có thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông hoặc chứng từ hoặc giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ nghĩa vụ tài chính, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận hoặc xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyền cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

## Mục 2

### **THỜI GIAN CÁC BƯỚC THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT CỦA TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN**

**Điều 9. Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài**

Thời gian thực hiện không quá 20 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để giải quyết thủ tục trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 16 ngày làm việc;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy chứng nhận trong thời gian không quá 03 ngày làm việc sau khi có thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông hoặc chứng từ hoặc giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ nghĩa vụ tài chính;

4. Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

5. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

**Điều 10. Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất**

Thời gian thực hiện không quá 20 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Trường hợp sử dụng đất theo hình thức quy định tại Điều 118 và khoản 3 Điều 120 của Luật Đất đai hoặc trường hợp quy định tại Điều 119 và khoản 2 Điều 120 của Luật Đất đai mà được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê đất theo quy định.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 16 ngày làm việc;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy chứng nhận trong thời gian không quá 03 ngày làm việc sau khi có thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông hoặc chứng từ hoặc giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ nghĩa vụ tài chính;

d) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính;

đ) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Trường hợp sử dụng đất theo hình thức quy định tại Điều 119, khoản 2 Điều 120 của Luật Đất đai mà không thuộc khoản 1 Điều này.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất kiểm tra thực tế sử dụng đất của tổ chức, xác định ranh giới cụ thể của thửa đất theo quy định tại khoản 2 Điều 142 và khoản 2 Điều 145 của Luật Đất đai và chuyển hồ sơ đến Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tỉnh trong thời gian không quá 4,5 ngày làm việc;

c) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tỉnh thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 14,5 ngày làm việc (trong đó việc cấp Giấy chứng nhận là không quá 03 ngày làm việc).

d) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

đ) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

**Điều 11. Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý**

Thời gian thực hiện không quá 17 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 16,5 ngày làm việc.

**Điều 12. Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng**

Thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 2,5 ngày làm việc.

**Điều 13. Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp**

Thời gian thực hiện không quá 08 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 7,5 ngày làm việc.

**Điều 14. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp**

Thời gian thực hiện không quá 10 ngày làm việc đối với trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận; không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm phần diện tích đất chưa được cấp Giấy chứng nhận, cụ thể như sau:

1. Đối với trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 9,5 ngày làm việc;

c) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Đối với trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm phần diện tích đất chưa được cấp Giấy chứng nhận.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 08 ngày làm việc;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 11,5 ngày làm việc;

d) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**Điều 15. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận**

Thời gian thực hiện không quá 15 ngày làm việc đối với trường hợp người sử dụng đất không có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở; không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở, cụ thể như sau:

1. Đối với trường hợp người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 của Luật Đất đai hoặc có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 của Luật Đất đai nhưng không có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai để thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 9,5 ngày làm việc;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 05 ngày làm việc;

d) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Đối với trường hợp người sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 của Luật Đất đai và có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 04 ngày làm việc;

c) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 12,5 ngày làm việc;

d) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy chứng nhận trong thời gian không quá 03 ngày làm việc sau khi có thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông hoặc chứng từ hoặc giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

### **Điều 16. Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất**

Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g Mục 1 Phần VII của “Phần C. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; không quá 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại điểm h Mục 1 Phần VII của “Phần C. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g Mục 1 Phần VII của “Phần C. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 4,5 ngày làm việc;

c) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại điểm h Mục 1 Phần VII của “Phần C. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 9,5 ngày làm việc;

c) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Đối với trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo đạc lập bản đồ địa chính thì thời gian thực hiện theo dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 17. Tách thửa hoặc hợp thửa đất**

Thời gian thực hiện không quá 12 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 11,5 ngày làm việc.

3. Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

### **Điều 18. Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất**

1. Thời gian thực hiện không quá 10 ngày làm việc, cụ thể như sau:

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến cơ quan Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 9,5 ngày làm việc.

c) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp trong thời gian 15 ngày và lập biên bản kết thúc niêm yết trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian niêm yết.

### **Điều 19. Đình chính Giấy chứng nhận đã cấp**

Thời gian thực hiện không quá 08 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Đối với trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót do cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 136 của Luật Đất đai số cấp.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tỉnh để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 02 ngày làm việc.

c) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tỉnh thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 5,5 ngày làm việc;

2. Đối với trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót do cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 136 của Luật Đất đai cấp.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 1,5 ngày làm việc;

c) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 04 ngày làm việc;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 02 ngày làm việc.

3. Đối với trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất có sai sót.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 7,5 ngày làm việc.

**Điều 20. Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi**

Thời gian thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc. Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau thu hồi: trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận không quá 20 ngày làm việc; trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thì thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định đối với từng trường hợp đăng ký biến động theo quy định tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi là Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu do cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 136 của Luật Đất đai cấp.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Cơ quan có chức năng

quản lý đất đai tỉnh để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 03 ngày làm việc;

c) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tỉnh thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 41,5 ngày làm việc;

d) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi là Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu do cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 136 của Luật Đất đai cấp.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 03 ngày làm việc;

c) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 33,5 ngày làm việc;

d) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính;

đ) Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 08 ngày làm việc.

3. Đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi là Giấy chứng nhận đã cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định trong thời gian không quá 24,5 ngày làm; thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi Giấy chứng nhận theo thời gian quy định của Quy chế này đối với từng trường hợp đăng ký biến động;

c) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**Điều 21. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã**

**được cấp Giấy chứng nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định**

Thời gian thực hiện không quá 08 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 7,5 ngày làm việc.

3. Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**Điều 22. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản**

Thời gian thực hiện không quá 08 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 7,5 ngày làm việc.

3. Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**Điều 23. Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai**

Thời gian thực hiện: đối với thông tin, dữ liệu có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai thì cung cấp ngay trong ngày làm việc. Trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp vào ngày làm việc tiếp theo; đối với thông tin, dữ liệu không có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai thì chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai phải thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi thông báo về việc gia hạn thời gian cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cho tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai. Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, tổng hợp, phân tích hoặc lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 10 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 01 giờ làm việc đối với trường hợp thông tin, dữ liệu có sẵn trong cơ

sở dữ liệu quốc gia về đất đai; không quá 02 giờ làm việc đối với trường hợp thông tin, dữ liệu không có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Tổ chức đăng ký đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 07 giờ làm việc đối với trường hợp thông tin, dữ liệu có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; không quá 14 giờ làm việc đối với trường hợp thông tin, dữ liệu không có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

3. Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai và tổ chức, cá nhân có thỏa thuận riêng về việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai thì thời gian cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai được xác định theo thỏa thuận.

**Điều 24. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hằng năm**

Thời gian thực hiện không quá 08 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để quyền giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 7,5 ngày làm việc.

3. Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**Điều 25. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng**

Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 3,5 ngày làm việc.

**Điều 26. Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất,**

**quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên**

Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; không quá 05 ngày làm việc đối với trường hợp thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; không quá 10 ngày làm việc đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 3,5 ngày làm việc đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; không quá 4,5 ngày làm việc đối với trường hợp thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; không quá 9,5 ngày làm việc đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên.

**Điều 27. Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu**

Thời gian thực hiện không quá 08 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; không quá 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết hoặc điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 7,5 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; không quá 4,5 ngày làm việc đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết hoặc điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết.

3. Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**Điều 28. Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

Thời gian thực hiện không quá 08 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 7,5 ngày làm việc.

3. Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**Điều 29. Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công**

Thời gian thực hiện không quá 10 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 9,5 ngày làm việc.

3. Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**Điều 30. Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp**

Thời gian thực hiện: trong ngày làm việc nhận được đủ hồ sơ xóa nợ; nếu thời điểm nhận đủ hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày, giải quyết việc xóa nợ trong ngày làm việc tiếp theo, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 01 giờ làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 07 giờ làm việc.

**Điều 31. Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền**

Thời gian thực hiện không quá 07 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 6,5 ngày làm việc.

3. Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**Điều 32. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014**

Thời gian thực hiện không quá 12 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 11,5 ngày làm việc.

3. Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**Điều 33. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất**

Thời gian thực hiện không quá 08 ngày làm việc đối với trường hợp đất để thực hiện dự án đã được cấp Giấy chứng nhận; không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp đất để thực hiện dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận, cụ thể như sau:

1. Đối với trường hợp bên nhận chuyển nhượng dự án không phải là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và đất để thực hiện dự án đã được cấp Giấy chứng nhận.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 7,5 ngày làm việc;

c) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Đối với trường hợp bên nhận chuyển nhượng dự án bất động sản không phải là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và đất để thực hiện dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 16,5 ngày làm việc;

c) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tỉnh thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 03 ngày làm việc;

d) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng dự án bất động sản là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thì việc đăng ký đất đai được thực hiện trong trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất.

4. Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm.

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc;

b) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 7,5 ngày làm việc;

c) Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**Điều 34. Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng**

**ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở**

Thời gian thực hiện không quá 08 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; không quá 05 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 7,5 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; không quá 4,5 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký.

3. Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai trong thời hạn quy định tại Điều 5 của Quy chế này khi nhận được Phiếu chuyển thông tin đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**Điều 35. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp**

Thời gian thực hiện không quá 07 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 6,5 ngày làm việc.

**Điều 36. Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận.**

Thời gian thực hiện không quá 10 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 9,5 ngày làm việc.

**Điều 37. Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004**

Thời gian thực hiện không quá 20 ngày làm việc, cụ thể như sau:

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Quy chế này thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã để giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc.

2. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 14 ngày làm việc.

3. Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc theo quy định trong thời gian không quá 2,5 ngày làm việc.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác định lại diện tích đất ở và cấp Giấy chứng nhận trong thời gian không quá 03 ngày làm việc.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

### **Điều 38. Trách nhiệm của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất**

1. kê khai hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định và hướng dẫn của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đã nộp.

2. Nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

3. Tiếp nhận Thông báo nộp các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai và các khoản phải nộp khác do Cơ quan Thuế gửi đến theo quy định tại Quy chế này.

4. Thực hiện nộp đầy đủ các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai và các khoản phải nộp khác, bảo đảm theo đúng thời hạn ghi trên thông báo của Cơ quan Thuế và phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với các khoản nghĩa vụ tài chính chậm nộp.

### **Điều 39. Trách nhiệm của Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả**

1. Hướng dẫn người sử dụng đất kê khai hồ sơ; kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ của hồ sơ trước khi tiếp nhận; nội dung hướng dẫn phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, cụ thể theo quy định; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ đã tiếp nhận.

2. Kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai bảo đảm đúng quy trình và thời gian quy định thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Chủ động trao đổi với các cơ quan, đơn vị trực tiếp xử lý, giải quyết thủ tục hành chính nhằm tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính; phối hợp làm rõ nguyên nhân các trường hợp giải quyết thủ tục hành chính chậm so với quy định.

3. Niêm yết công khai, đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai tiếp nhận tại nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo quy định.

4. Tiếp nhận, xử lý những phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân đối với các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai.

#### **Điều 40. Trách nhiệm của Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tỉnh**

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này theo quy định. Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Tuyên truyền, phổ biến quy định thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai; chủ trì xây dựng quy trình nội bộ, quy trình nội bộ liên thông, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai; công khai quy định thủ tục hành chính đầy đủ, rõ ràng, dễ tiếp cận, dễ khai thác.

3. Thực hiện lập Phiếu chuyển thông tin và luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo thẩm quyền và chức năng nhiệm vụ. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin ghi trên Phiếu chuyển thông tin.

4. Cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất quy định của pháp luật.

5. Cử công chức đủ tiêu chuẩn, có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp làm việc tại Bộ phận Một cửa tỉnh; thường xuyên đôn đốc, theo dõi, kiểm tra công tác giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai; kịp thời phát hiện và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tổng hợp các ý kiến vướng mắc, đề xuất hướng giải quyết trong quá trình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo giải quyết kịp thời đối với các trường hợp vượt thẩm quyền.

6. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo định kỳ hoặc đột xuất; xử lý hoặc đề xuất biện pháp xử lý nghiêm đối với công chức, viên chức, người lao động có vi phạm pháp luật trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

7. Chịu trách nhiệm về thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo thẩm quyền. Trường hợp giải quyết quá thời hạn thì phải có văn bản xin lỗi theo quy định.

#### **Điều 41. Trách nhiệm của Tổ chức đăng ký đất đai**

1. Văn phòng đăng ký đất đai chỉ đạo, hướng dẫn Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai về chuyên môn, nghiệp vụ, bảo đảm thực hiện thống nhất trong việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định.

2. Giải quyết thủ tục hành chính theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy trình theo quy định.

3. Thực hiện lập Phiếu chuyển thông tin và luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo thẩm quyền và chức năng nhiệm vụ. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin ghi trên Phiếu chuyển thông tin.

4. Cấp Giấy chứng nhận hoặc xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp cho người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Báo cáo việc thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính định kỳ hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

6. Xem xét, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm đối với viên chức, người lao động có hành vi vi phạm trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

7. Chịu trách nhiệm về thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo thẩm quyền. Trường hợp giải quyết quá thời hạn thì phải có văn bản xin lỗi theo quy định.

#### **Điều 42. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Chỉ đạo Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã phối hợp với Cơ quan Thuế và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính, luân chuyển hồ sơ theo đúng quy định; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch, giảm thiểu chi phí và tuân thủ nghiêm các quy định về thủ tục hành chính; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Công bố và cung cấp thông tin quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng để người dân, tổ chức, các cơ quan có liên quan thuận tiện trong việc tra cứu, đối chiếu để thực hiện thủ tục hành chính.

4. Cử công chức đủ tiêu chuẩn, có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã; tổ chức, thường xuyên tổ chức kiểm tra tình hình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của công chức, viên chức, người lao động; tạo điều kiện thuận lợi cho viên chức Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Một cửa để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai được dễ dàng.

5. Trang bị đủ điều kiện, cơ sở vật chất cần thiết phục vụ cho việc tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

6. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai; thường xuyên đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc giải quyết thủ tục hành chính về đất đai; xem xét, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm đối với công chức, người lao động có hành vi vi phạm trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

7. Chịu trách nhiệm về thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo thẩm quyền. Trường hợp giải quyết quá thời hạn thì phải có văn bản xin lỗi theo quy định.

#### **Điều 43. Trách nhiệm của Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã**

1. Giải quyết, tham mưu giải quyết thủ tục hành chính theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy trình theo quy định.

2. Thực hiện lập Phiếu chuyển thông tin và luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo thẩm quyền và chức năng nhiệm vụ. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin ghi trên Phiếu chuyển thông tin.

3. Trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo việc thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính định kỳ hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

5. Kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm đối với công chức, người lao động có hành vi vi phạm trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

6. Chịu trách nhiệm về thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo thẩm quyền. Trường hợp giải quyết quá thời hạn thì phải có văn bản xin lỗi theo quy định.

#### **Điều 44. Trách nhiệm của Cơ quan Thuế**

1. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai và các khoản phải nộp khác của người sử dụng đất. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc thiếu căn cứ để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế đề nghị Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai hoàn thiện, bổ sung hồ sơ theo quy định.

2. Gửi Thông báo về nghĩa vụ tài chính đến người sử dụng đất, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai, Cơ quan thu ngân sách nhà nước để theo dõi, hạch toán theo quy định. Trường hợp chuyển Thông báo bằng đường bưu điện theo địa chỉ, số điện thoại liên lạc của người sử dụng đất đã ghi trong Phiếu chuyển thông tin thì phải gửi theo hình thức “GỬI BẢO ĐẢM”.

3. Ban hành thông báo xác nhận hoặc xác nhận về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính và gửi thông báo cho Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai theo đúng thời gian quy định.

4. Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc, giải quyết khiếu nại về tính, thu, nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản phải nộp khác theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

5. Theo dõi việc ghi nợ, trả nợ nghĩa vụ tài chính đối với các trường hợp được ghi nợ nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc Tổ chức đăng ký đất đai chuyển đến theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận.

6. Xác định thời gian và xử lý vi phạm việc chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo quy định.

7. Chịu trách nhiệm về thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo thẩm quyền. Trường hợp giải quyết quá thời hạn thì phải có văn bản xin lỗi theo quy định.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 45. Tổ chức thực hiện**

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tỉnh để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc đề sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp theo quy định.

2. Trường hợp Trung ương có văn bản điều chỉnh, sửa đổi các quy định mà có liên quan đến nội dung Quy chế này thì thực hiện theo quy định của Trung ương./.

**Phụ lục****THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỒNG THỜI NHIỀU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 035/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

<b>ST T</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Đối tượng thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Cấp lại giấy chứng nhận do bị mất thực hiện đồng thời với Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Không quá 16 ngày làm việc	Cá nhân	Theo Quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	Giảm 01 ngày
2	Cấp lại giấy chứng nhận do bị mất thực hiện đồng thời với Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Không quá 13 ngày làm việc	Cá nhân	Theo Quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	Giảm 01 ngày
3	Cấp lại giấy chứng nhận do bị mất thực hiện đồng thời với Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Không quá 19 ngày làm việc	Cá nhân	Theo Quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	Giảm 02 ngày
4	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất đồng thời với Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	Không quá 10 ngày làm việc	Cá nhân	Theo Quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	Giảm 01 ngày

5	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định đồng thời với Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Không quá 14 ngày làm việc	Cá nhân	Theo Quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	Giảm 01 ngày
6	Tách thửa hoặc hợp thửa đất thực hiện đồng thời với Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Không quá 18 ngày làm việc	Cá nhân	Theo Quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	Giảm 01 ngày
7	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp đồng thời Đăng ký chuyên mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Không quá 13 ngày làm việc	Cá nhân	Theo Quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	Giảm 01 ngày
8	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp đồng thời với thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp quy định tại điểm h Mục 1 Phần VII của “Phần C. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” Phụ lục 1 kèm theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP và thủ tục Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Không quá 23 ngày làm việc	Cá nhân	Theo Quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	Giảm 02 ngày
9	Cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại điểm h Mục 1 Phần VII của “Phần C. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT”	Không quá 19 ngày làm việc	Cá nhân	Theo Quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu	Giảm 02 ngày

	Phụ lục 1 kèm theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP đồng thời với thủ tục thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và thủ tục Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp			các loại phí và lệ phí	
--	---	--	--	------------------------	--

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 09 Lê Duẩn - phường Buôn Ma Thuật - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0262 8585868

E-mail: [congbao@daklak.gov.vn](mailto:congbao@daklak.gov.vn)